

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ K
TỈNH K**

Bản án số: 32/2020/HS-ST.

Ngày 20/4/2020.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ KONTUM - TỈNH KONTUM

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân H.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trương Quang N;

2/ Bà Nguyễn Thị H.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên Tòa:Phạm Hữu C -Thư ký Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố K tham gia phiên tòa: Ông Phan Minh C- Kiểm sát viên.

Trong ngày 20 tháng 4 năm 2020 tại Hội trường xét xử, Tòa án nhân dân thành phố K, tỉnh K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ L số: 31/2020/HSST ngày 13 tháng 3 năm 2020, đối với bị cáo:

Trịnh Xuân T, sinh năm 1988, tại Gia Lai; nơi cư trú: Hẻm 95 đường Võ Nguyên Giáp, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K; nghề nghiệp: Thợ sơn; trình độ học vấn 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Xuân D và bà Phạm Thị L (đều đã chết); gia đình có năm anh chị em, bị cáo là con út trong gia đình; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 29/01/2013 bị Tòa án nhân dân thành phố K xử phạt 03 năm 6 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Ngày 18/5/2015 chấp hành xong hình phạt (đã được xóa án tích);

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 04/9/2019, có mặt.

- **Bị hại:** Chị Lê Thị Công L, sinh năm 1984; trú tại: Tổ dân phố 10, thị trấn Đăk Hà, huyện Đăk Hà, tỉnh K, có mặt.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Anh Võ Đông A, sinh năm 1993; trú tại: 240/22 đường U rê, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K, vắng mặt.

2. Chị Trịnh Thị Mây, sinh năm 1976; trú tại: Hẻm 95 Võ Nguyên Giáp, tổ 3, phường Duy Tân, thành phố K, tỉnh K, có mặt.

- **Người làm chứng:** Ông Võ Văn T và bà Võ Thị H. Cùng trú tại: Số 396 Trần Phú, phường Quang Trung, thành phố K, cùng vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Trịnh Xuân T và chị Lê Thị Công L có tình cảm và sống chung với nhau như vợ chồng từ khoảng tháng 10 năm 2017, quá trình sống chung xảy ra nhiều mâu thuẫn, đến tháng 6 năm 2019 chị L thuê nhà ra ở riêng.

Khoảng 15 giờ ngày 20/7/2019, sau khi bị cáo T nhắn bảo chị L quay về cùng chung sống nhưng không thành, bị cáo điều khiển xe mô tô đi mua 01 con dao Thái Lan dài 24cm (lưỡi kim loại dài 14cm) rồi đi đến quán cà phê bên đường đối diện với nơi chị L làm việc tại tiệm Kim đan Julia, địa chỉ 402 đường

Trần Phú, thành phố K, mục đích đợi gặp chị L để nói chuyện. Khi thấy chị L đi ra từ quán tạp hóa, địa chỉ 396 đường Trần Phú, phường Quang Trung, thành phố K, bị cáo chạy đến gặp và yêu cầu chị L quay về, trong lúc nói chuyện chị L thấy bị cáo cầm dao trong người nên bỏ chạy, bị cáo đuổi theo, khi chị L chạy vào bên trong tiệm tạp hóa 396 Trần Phú thì bị ngã, thì bị cáo cầm dao tay phải lao vào đâm chị L, lúc này chị L với tư thế nằm ngã ngửa đã phản kháng lại quyết liệt, bằng cách dùng tay chân đấm, đập liên tục về phía bị cáo làm dao rơi xuống đất, bị cáo tiếp tục cúi xuống dùng tay trái cầm dao và đâm một nhát trúng vào bụng bên hông phải (khu vực bên dưới sườn phải) chị L, lúc này ông Võ Văn Thường là chủ nhà chạy ra hô to, thì bị cáo bỏ đi. Trong khi chị L dùng tay chân đấm, đập liên tục về phía bị cáo, để phản kháng chống cự lại hành vi của bị cáo đang cầm dao xông vào, thì chị L bị 01 vết thương ở cẳng chân trái, 03 vết thương ở vùng đùi trái.

Tại bản kết luận giám định pháp y, kết luận: Tỷ lệ tổn thương cơ thể của chị L tại thời điểm giám định là 30%.

Tại Cáo trạng số: 44/CT-VKSTPKT ngày 12/03/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo Trịnh Xuân T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 BLHS với tình tiết định khung “*dùng hung khí nguy hiểm*” và “*có tính chất côn đồ*” quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của BLHS, xử phạt bị cáo T từ 36 đến 42 tháng tù về tội “*Cố ý gây thương tích*”; đề nghị xử L vật chứng theo quy định của pháp luật; bị hại không yêu cầu về trách nhiệm dân sự, nên không xem xét.

Bị cáo Trịnh Xuân T thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Lời nói sau cùng: Bị cáo xin lỗi bị hại; xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của BLTTHS; Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của cơ quan và người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng pháp luật.

Về nội dung:

[1] Lời khai của bị cáo Trịnh Xuân T tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Có cơ sở khẳng định: Khoảng 15 giờ ngày 20/7/2019, tại số nhà 396 đường Trần Phú, phường Quang Trung, thành phố K, bị cáo T đã dùng dao thái lan dài 24 cm (*lưỡi dao dài 14cm*) đâm chị Lê Thị Công L gây thương tích 30%. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "*Cố ý gây thương tích*" theo quy định tại Điều 134 Bộ luật hình sự.

Giữa bị cáo và chị L không phải là vợ chồng, chỉ cùng về ở chung với nhau như vợ chồng, sau một thời gian chị L thấy không thể sống chung cùng bị cáo, nên chị L ra thuê nhà ở riêng. Chỉ vì không thuyết phục được chị L quay trở về cùng ở chung, mà bị cáo đã dùng dao thái lan dài 24 cm (*lưỡi dao dài 14cm*) gây thương tích cho chị L, nên bị cáo phạm tội thuộc 02 tình tiết định khung hình phạt "*có tính chất côn đồ*" và "*dùng hung khí nguy hiểm*" quy định tại điểm a, i khoản 1 Điều 134 Bộ luật hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân thành phố K truy tố bị cáo về tội "*Cố ý gây thương tích*" theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, cố ý xâm phạm đến sức khỏe của người khác được pháp luật bảo vệ, thể hiện sự coi thường pháp luật, gây mất trật tự trị an trên địa bàn thành phố K. Vì vậy, phải xử phạt nghiêm minh tương xứng với tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi phạm tội của bị cáo, cần cách ly bị cáo với đời sống xã hội một thời gian, đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

Về nhân thân: Bị cáo đã bị xử phạt 03 năm 6 tháng tù về tội "Cướp tài sản", đã chấp hành xong hình phạt và được xóa án tích;

Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo thành khẩn khai báo; bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51 BLHS cần áp dụng để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

[3] *Về xử lý vật chứng:* - 01 con dao Thái Lan dài 24 cm bị cáo sử dụng gây thương tích cho chị L, là công cụ phạm tội. Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS và điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, tịch thu tiêu hủy;

- Cơ quan điều tra đã trả lại 01 điện thoại di động Iphone, 01 điện thoại di động Nokia cho chị Trịnh Thị Mây và trả 01 xe mô tô BKS 82K4 – 4582 cho của Võ Đông A là đúng quy định.

[4] *Về trách nhiệm dân sự:* Tại đơn bãi nại ngày 21/11/2019 và tại biên bản ghi lời khai ngày 25/11/2019, chị L khai nhận bị cáo T đã khắc phục hậu quả, gia đình bị cáo đã bồi thường cho chị. Tại phiên tòa chị T khai thực tế chị chưa nhận được tiền bồi thường thiệt hại; bị cáo và chị Mây cũng công nhận chưa bồi thường thiệt hại cho chị L. Tuy nhiên, chị L không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại cho chị, do đó HĐXX không xem xét.

[5]*Về án phí*: Bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự theo quy định.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Trịnh Xuân T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”;
2. Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; khoản 1 Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trịnh Xuân T: 03 (Ba) năm tù**. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam (**04/9/2019**);

3. **Về vật chứng**: Căn cứ khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao Thái Lan dài 24cm có đặc điểm như trong Biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 16/4/2020, giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố K với Chi cục Thi hành án dân sự thành phố K.

4. **Về án phí**: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trịnh Xuân T phải chịu 200.000 (*Hai trăm nghìn*) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/4/2019). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, thì thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND Tỉnh KonTum;
- VKSND Thành phố KonTum;
- Công an Thành phố KonTum;
- Chi cục THA dân sự Thành phố KonTum;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Xuân Hoài